

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 12 năm 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

2. Bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Huỳnh Thanh G, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp C, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Phan Huỳnh Thanh G tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi. Khi chị T mang thai anh G không vui, gia đình anh G cho rằng đưa bé sinh ra không hợp tuổi với

anh G, kêu bỏ thai, chị T không đồng ý. Từ đó, anh G thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm chị T. Đến tháng 9/2016 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phan Huỳnh Thanh G.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Lê Thùy T, sinh ngày 12/5/2017. Hiện nay cháu T đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho cháu T.

- Về tài sản chung: Khi tổ chức lễ cưới, cha mẹ chồng có cho vợ chồng 01 cây vàng 24K, sau khi đám cưới 02 tháng, anh G đã mượn lại số vàng trên để trả nợ riêng của anh G. Đến nay anh G vẫn chưa trả cho chị T.

Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh G trả lại cho chị T 01 lượng vàng 24K. Khi hòa giải chị T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu anh G chia cho chị T $\frac{1}{2}$ số vàng anh G đã lấy, chị T chỉ yêu cầu được nhận 05 chỉ vàng quy ra tiền là 17.000.000 đồng. Ngày 16/11/2017 chị T có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu anh G trả lại vàng hay tiền cho chị T.

Về phần tài sản này, chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Huỳnh Thanh G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh G và chị Lê Thị Mộng T tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh G không có yêu cầu chị T phá thai. Đến tháng 9/2016 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh G đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Lê Thùy T, sinh ngày 12/5/2017. Hiện nay cháu T đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh G đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng cho cháu T.

- Về tài sản chung: Khi tổ chức lễ cưới, cha mẹ anh G có cho vợ chồng 01 cây vàng 24K. Đây là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi đám cưới số vàng trên anh G đã dùng vào việc chăn nuôi gà, do gà chết thua lỗ hết. Anh G đồng ý giao lại cho chị T 05 chỉ vàng 24K, thành tiền 17.000.000 đồng như chị T đã yêu cầu. Nhưng anh G chưa có khả năng trả ngay cho chị T, khi nào có tiền sẽ trả ngay cho chị T.

Do chị T đã rút yêu cầu chia tài sản, anh G thống nhất. Đối với phần tài sản chung, anh G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Phan Huỳnh Thanh G là vợ chồng. Giao cháu Lê Thùy T, sinh ngày 12/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không cấp dưỡng cho cháu T do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T, các đương sự thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Chị Lê Thị Mộng T khởi kiện xin ly hôn với anh Phan Huỳnh Thanh G. Anh G có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T và bị đơn anh Phan Huỳnh Thanh G có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng T và anh Phan Huỳnh Thanh G tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2015 là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, chị T và anh G không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Phan Huỳnh Thanh G là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Lê Thị Mộng T và anh Phan Huỳnh Thanh G có 01 con chung tên Lê Thùy T, sinh ngày 12/5/2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy hiện nay cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi và đang

sống cùng với chị T, cháu T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Anh G đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cho nên, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc cháu T, không ai được phép cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị Mộng T không yêu cầu anh Phan Huỳnh Thanh G cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị Lê Thị Mộng T yêu cầu anh Phan Huỳnh Thanh G trả lại cho chị T 01 lượng vàng 24K. Khi hòa giải chị T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu anh G chia cho chị T $\frac{1}{2}$ số vàng anh G đã lấy, chị T chỉ yêu cầu được nhận 05 chỉ vàng quy ra tiền là 17.000.000 đồng. Anh G đồng ý giao lại cho chị T 05 chỉ vàng 24K, thành tiền 17.000.000 đồng như chị T đã yêu cầu. Anh G xác định hiện nay anh G chưa có khả năng trả ngay cho chị T, khi nào có tiền sẽ trả ngay cho chị T.

Ngày 16/11/2017 chị T có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu anh G trả lại vàng hay tiền cho chị T.

Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của chị T.

Chị T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Về phần tài sản chung: Chị T và anh G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Mộng T và anh Phan Huỳnh Thanh G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Phan Huỳnh Thanh G là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thùy T, sinh ngày 12/5/2017 cho chị Lê Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Lê Thùy T hiện nay đang sống cùng chị T nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thùy T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị Mộng T không yêu cầu anh Phan Huỳnh Thanh G cấp dưỡng cho cháu Lê Thùy T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Phan Huỳnh Thanh G được quyền thăm nom, chăm sóc cháu Lê Thùy T, không ai được phép cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị Mộng T.

Các đương sự xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 1.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0007781 ngày 25/10/2017** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng. Chị T được hoàn lại 875.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã ký

Lê Hồng Lam